

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 73/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 9 - 2024

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thủy.

2. Bà Nguyễn Thị Di.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 232/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc O, sinh năm: 1987. (có mặt)

Địa chỉ: Đường 21 hẻm 18, tổ 16, ấp Phước Trinh, xã Tam Phước, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

2- *Bị đơn:* Ông Mai Thành T, sinh năm: 1985. (vắng mặt)

Địa chỉ: D V, khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc O trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc O và ông Mai Thành T chung sống với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân thị trấn L, huyện L. Bà O và ông T tự nguyện chung sống không bị ai ép buộc. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, không có sự đồng cảm chia sẻ với nhau, bà O và ông T đã sống ly thân từ tháng 11/2023 cho đến nay mà không hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, không còn quan hệ với nhau về tình cảm

cũng như kinh tế. Nay bà O không còn tình cảm với ông T nữa nên yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Bà O xác định, bà O và ông T có 02 (hai) người con chung là các cháu Mai Nguyễn Quỳnh G, sinh ngày: 22/7/2007 và Mai Nguyễn Quỳnh T1, sinh ngày: 24/9/2014. Bà O yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Bản tự khai ngày 22/7/2024 cháu Mai Nguyễn Quỳnh G và cháu Mai Nguyễn Quỳnh T1 có nguyện vọng được ở với bà O.

* Bị đơn ông Mai Thành T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không chấp hành. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền phát biểu về quá trình giải quyết vụ án: Về tố tụng: Xác định việc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Thẩm phán, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX và nguyên đơn tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng không chấp hành. Về nội dung vụ án đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Mai Nguyễn Quỳnh G, sinh ngày: 22/7/2007 và Mai Nguyễn Quỳnh T1, sinh ngày: 24/9/2014 cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà O không yêu cầu; Về tài sản chung và nợ chung: Bà O không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ngọc O yêu cầu ly hôn với ông Mai Thành T, ông T hiện đang sinh sống tại huyện L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt ông T theo Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc O tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn, do đó hôn nhân giữa bà O và ông T là hợp pháp. Theo bà O, sau khi cưới vợ chồng chung hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, không có sự đồng cảm chia sẻ với nhau, bà O và ông T đã sống ly thân từ khoảng tháng 11/2023 cho đến nay, hiện nay không còn quan hệ với nhau về tình cảm cũng như kinh tế, bà O không còn tình cảm với ông T nữa nên yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng nhau, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, trong quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã mời bà O và ông T làm việc để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng ông T không có mặt, điều này cho thấy mâu thuẫn giữa bà O và ông T là

có thật và trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương tôn trọng nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có cơ sở cho bà Nguyễn Thị Ngọc O ly hôn với ông Mai Thành T.

[2.2] Về con chung: Bà O xác định, bà O và ông T có 02 (hai) người con chung là các cháu M Nguyễn Quỳnh G, sinh ngày: 22/7/2007 và Mai Nguyễn Quỳnh T1, sinh ngày: 24/9/2014. Xét thấy, 02 cháu đều có nguyện vọng được ở với bà O, bà O có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, đồng thời ông T vắng mặt và không có ý kiến gì về con chung. Do đó, cần giao cháu G và cháu T1 cho bà O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại thời điểm xét xử, bà O không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Tài sản chung và nợ chung: Bà O không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà O phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án Bà. Ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc O được ly hôn với ông Mai Thành T.

2. Về con chung: Giao 02 (hai) con chung là cháu Mai Nguyễn Quỳnh G, sinh ngày: 22/7/2007 và cháu Mai Nguyễn Quỳnh T1, sinh ngày: 24/9/2014 cho bà Nguyễn Thị Ngọc O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Mai Thành T không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà O không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc chăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con; cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc O không yêu cầu giải quyết, nên không xét đến.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc O phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà O đã nộp theo biên lai thu số 0001572 ngày 28/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự

huyện Long Điền, bà O đã nộp đủ. Ông Mai Thành T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/9/2024), các đương sự được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn này được tính từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H.Long Điền;
- UBND TT.Long Điền,
(số 117/2006, quyển số I/2006,
ngày 17/7/2006);
- TAND tỉnh BRVT;
- Chi cục THADS H.Long Điền;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Thị Ngọc Dung**